

卒業者の教員免許状の取得の状況

学科	免許状	H26	H27	H28	H29	H30	H31	R2	R3	R4
栄養学科	栄養教諭	11	9	9	7	7	5	8	9	7
社会福祉学科	中学校（社会）	7	4	9	5	10	5	8	4	—
	高校（公民）	7	4	7	6	13	6	5	7	8
	高校（福祉）	5	2	1	3	11	0	1	6	7
	特支	8	3	5	6	11	5	5	4	7
	教員免許取得実人数	8	4	9	7	13	7	8	7	8
社会保育学科	幼稚園	—	—	—	—	—	50	50	47	50
	特支	—	—	—	—	—	32	29	30	25